

Số: /GPMT-CNCCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Kiểm nghiệm thuốc AQP tại Văn bản số 2406/CV-AQP ngày 24/06/2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy Nghiên cứu và Sản xuất Dược phẩm Phenikaa” (gọi tắt là Dự án);

Theo đề nghị của Phòng Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Kiểm nghiệm thuốc AQP, địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà A1 – Trường Đại học Phenikaa, đường Nguyễn Văn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: “Nhà máy Nghiên cứu và Sản xuất Dược phẩm Phenikaa” tại Lô CN2-10, Khu công nghiệp Công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên dự án: “Nhà máy Nghiên cứu và Sản xuất Dược phẩm Phenikaa”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất CN2-10 KCN Công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0103831711 do phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 08/05/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 09/05/2025

1.4. Mã số thuế: 0103831711

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dược phẩm, thực phẩm chức năng và mỹ phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích đất sử dụng: 39.600 m².

- Nhóm dự án: Dự án tương đương dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Dự án tương đương dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất dự án:

+ Nhóm sản phẩm sử dụng công nghệ chiết xuất siêu tới hạn: (1) Sản phẩm cao chiết/tinh chất dược liệu khoảng 2.7000 kg/năm; (2) Thực phẩm bảo vệ sức khỏe khoảng 105 triệu viên/năm; (3) Mỹ phẩm khoảng 1,5 triệu sản phẩm/năm.

+ Nhóm sản phẩm sử dụng công nghệ sản xuất nano-liposome mang hoạt chất: khoảng 4.150 kg bán thành phẩm/năm.

+ Nhóm sản phẩm sử dụng công nghệ lên men sản xuất chế phẩm vi sinh: khoảng 8.000 lít nguyên liệu bán thành phẩm và 15,5 triệu sản phẩm/năm.

+ Sản phẩm sử dụng công nghệ sản xuất viên giải phóng có kiểm soát: (1) Sản phẩm thuốc rắn giải phóng biến đổi khoảng 180 triệu viên/năm; (2) Các sản phẩm áp dụng công nghệ nano chống ung thư khoảng 0,9 triệu lọ/năm.

- Quy trình sản xuất của dự án:

+ Quy trình sản xuất đối với sản phẩm cao chiết dược liệu: Dược liệu thô → Cân chia nguyên liệu → Làm sạch, sơ chế → Chiết xuất siêu tới hạn → Thu cao đặc → Phối trộn (nếu có) → Sấy → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất đối với sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Nguyên liệu (tá dược, cao dược liệu) → Cân chia nguyên liệu → Xay, nghiền → Sấy → Trộn → Dập viên, đóng nang, đóng túi → Bao phim → Ép vỉ → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất đối với sản phẩm mỹ phẩm: Nguyên liệu (tá dược, mỹ phẩm) → Cân chia nguyên liệu → Xay, rây → Tạo dịch thuốc → Nhũ hóa tạo kem thuốc → Làm lạnh → Hút chân không → Đóng tuýp → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất đối với sản phẩm sử dụng công nghệ sản xuất nano-liposome mang hoạt chất: Nguyên liệu đầu vào (Liposome, tá dược) → Cân chia nguyên liệu → Trộn bột → Nhào ẩm → Xát hạt → Sấy hạt → Trộn hạt khô → Đóng gói → Thành

phẩm.

+ Quy trình sản xuất đối với nguyên liệu bán thành phẩm sử dụng công nghệ lên men sản xuất chế phẩm vi sinh: Chủng giống → Hoạt hóa giống → Nhân giống cấp 1 → Lên men → Thu hồi sinh khối → Làm khô → Hoàn thiện sản phẩm → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất đối với sản phẩm bảo vệ sức khỏe sử dụng công nghệ lên men sản xuất chế phẩm vi sinh: Nguyên liệu (Sữa gầy, Avicel) → Trộn bột kép → Tạo khối ẩm → Ủ 40 phút → Rây → Sấy → Cốm khô → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất sản phẩm thuốc rắn giải phóng biến đổi: Nguyên liệu (Dược chất, tá dược) → Cân chia nguyên liệu → Xay, rây → Trộn bột kép → Nhào ẩm → Xát hạt → Trộn cốm → Phân liều → Bao viên → Ép vỉ, đóng lọ → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất sản phẩm áp dụng công nghệ nano chống ung thư (sản phẩm thuốc tiêm): Nguyên liệu → Rửa (lọ, nút) → Sấy, hấp tiệt trùng → Đóng lọ → Đậy nút cao su → Đậy xiết nút nhôm → Kiểm tra → Dán nhãn → Đóng hộp → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Kiểm nghiệm thuốc AQP:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Kiểm nghiệm thuốc AQP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp

thành phố Hà Nội, các cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội để được hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND xã Hoà Lạc và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Trương Việt Dũng
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông
- Văn phòng UBNDTP
- Trưởng ban
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội
- UBND xã Hoà Lạc
- Phòng CSTT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty CP Nghiên cứu và Kiểm nghiệm thuốc AQP;
- Phòng HTĐT, QLDN (để ph/h);
- Lưu: VT, XDMT.

(để b/c);

(để ph/h);

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Đinh Trần Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng.
- Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng.
- Nguồn thải số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực nhà vệ sinh công cộng.
- Nguồn thải số 04: Nước thải bồn rửa tay, thoát sàn từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng.
- Nguồn thải số 05: Nước thải bồn rửa tay, thoát sàn từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng.
- Nguồn thải số 06: Nước thải bồn rửa tay, thoát sàn từ nhà vệ sinh công cộng.
- Nguồn thải số 07: Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn.

Nước thải sản xuất:

- Nguồn thải số 08: Nước thải sản xuất từ khu vực rửa chai lọ, máy móc, thiết bị.
- Nguồn thải số 09: Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa dược liệu.
- Nguồn thải số 10: Nước thải sản xuất từ quá trình rửa tay, tắm tráng.
- Nguồn thải số 11: Nước thải sản xuất từ quá trình vệ sinh nhà xưởng.
- Nguồn thải số 12: Nước thải sản xuất từ giặt đồ bảo hộ lao động.
- Nguồn thải số 13: Nước thải sản xuất từ quá trình xả cặn lò hơi.
- Nguồn thải số 14: Nước thải sản xuất từ quá trình xả cặn tháp giải nhiệt.
- Nguồn thải số 15: Nước thải từ khu vực kiểm nghiệm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải

- Nước thải phát sinh tại Dự án của Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Kiểm nghiệm thuốc AQP sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; không xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Chủ dự án cam kết thực hiện đầu nối sau khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu Công nghệ cao 2 được đồng bộ. Chủ Dự án chỉ thực hiện xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, không xả nước thải sau xử lý trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, cụ thể như sau:

+ Nguồn số 1: Nước thải từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng → Đường ống PVC D110 → 02 Bể tự hoại ($V = 10\text{m}^3/\text{bể}$) → Đường ống HDPE D200, D300 → Hệ thống xử lý nước thải $250\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng → Đường ống PVC D110 → 02 Bể tự hoại ($V = 6\text{m}^3/\text{bể}$) → Đường ống HDPE D200, D300 → Hệ thống xử lý nước thải $250\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 3: Nước thải từ nhà vệ sinh công cộng → Đường ống PVC D110 → 01 Bể tự hoại ($V = 4\text{m}^3$) → Đường ống HDPE D200, D300 → Hệ thống xử lý nước thải $250\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 4: Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng → Đường ống PVC D110 → Ngăn cuối 02 bể tự hoại ($V = 10\text{m}^3/\text{bể}$) → Đường ống HDPE D200, D300 → Hệ thống xử lý nước thải $250\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 5: Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng → Đường ống PVC D110 → Ngăn cuối 02 bể tự hoại ($V = 6\text{m}^3/\text{bể}$) → Đường ống HDPE D200, D300 → Hệ thống xử lý nước thải $250\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 6: Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn từ nhà vệ sinh công cộng → Đường ống PVC D110 → Ngăn cuối 01 bể tự hoại ($V = 4\text{m}^3$) → Đường ống HDPE D200, D300 → Hệ thống xử lý nước thải $250\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 7: Nước thải từ nhà ăn → Đường ống PVC D110 → Bể tách dầu mỡ ($V = 12\text{m}^3$) → Đường ống HDPE D200, D300 → Hệ thống xử lý nước thải $250\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình sản xuất của dự án, cụ thể như sau:

+ Nguồn số 8: Nước thải từ khu vực rửa chai lọ, máy móc, thiết bị → Đường ống thu gom PVC 125 → Hệ thống thu gom ngoài nhà xưởng (đường ống HDPE D200, D300) → Hệ thống xử lý nước thải $250\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 9: Nước thải từ công đoạn rửa dược liệu → Đường ống thu gom PVC 125 → Hệ thống thu gom ngoài nhà xưởng (đường ống HDPE D200, D300) → Hệ thống xử lý nước thải $250\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 10: Nước thải từ quá trình rửa tay, tắm tráng → Đường ống thu gom PVC 125 → Hệ thống thu gom ngoài nhà xưởng (đường ống HDPE D200, D300) → Hệ thống xử lý nước thải 250m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 11: Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng → Đường ống thu gom PVC 125 → Hệ thống thu gom ngoài nhà xưởng (đường ống HDPE D200, D300) → Hệ thống xử lý nước thải 250m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 12: Nước thải từ quá trình giặt đồ bảo hộ lao động → Đường ống thu gom PVC 125 → Hệ thống thu gom ngoài nhà xưởng (đường ống HDPE D200, D300) → Hệ thống xử lý nước thải 250m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 13: Nước thải từ quá trình xả cặn lò hơi → Đường ống thu gom PVC 125 → Hệ thống thu gom ngoài nhà xưởng (đường ống HDPE D200, D300) → Hệ thống xử lý nước thải 250m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 14: Nước thải từ quá trình xả cặn tháp giải nhiệt → Đường ống thu gom PVC 125 → Hệ thống thu gom ngoài nhà xưởng (đường ống HDPE D200, D300) → Hệ thống xử lý nước thải 250m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 15: Nước thải từ khu vực kiểm nghiệm → Thùng chứa nước thải (HDPE, dung tích 1,5m³) → Kho chứa CTNH → Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày.đêm → Đường ống HDPE D300, dài khoảng 42m → Đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao Hòa Lạc qua 01 điểm đầu nối tại hố ga F3-G3 trên tuyến F3 có tọa độ X = 2 320 142; Y = 556 334 (Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (đã xử lý sơ bộ) + Nước thải sản xuất → Bể thu gom (thể tích 10,4m³) → Bể điều hòa (thể tích 117,5m³) → Cụm xử lý hóa lý → Bể thiếu khí Anoxic (thể tích 64,88m³) → Bể MBBR (thể tích 55,65m³) → Bể hiếu khí (thể tích 82,65m³) → Bể lắng sinh học (thể tích 101,25m³) → Bể trung gian (thể tích 7,56m³) → Bể khử trùng (thể tích 28m³) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế hệ thống: 250m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Clo, Polymer Anion, mật ri đường hoặc các vật liệu, hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý không phát sinh thêm chất ô nhiễm và đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng nước thải tại điểm đầu nối, đảm bảo chất lượng nước thải theo quy chuẩn đầu nối Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp lưu lượng nước thải tăng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến nứt vỡ đường ống thu gom và thoát nước thải; trang bị một số thiết bị chủ yếu có nguy cơ mài mòn, thường xuyên bị hư hỏng để kịp thời thay thế khi gặp sự cố. Khi sự cố xảy ra, không xả nước thải ra

môi trường và kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục; trong trường hợp không thể khắc phục sự cố, báo cáo với Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và thuê đơn vị đủ chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung 250m³/ngày.đêm.

2.3. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể gom nước thải.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 mẫu nước thải đầu ra tại hố ga đầu nối nước thải.

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao Hòa Lạc phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quyết định số 206/QĐ-CNCHL ngày 31/10/2024 (Phụ lục I).

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	300		
3	COD	mg/l	400		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	400		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,162		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	20		
7	Tổng Nito	mg/l	40		
8	Tổng Photpho	mg/l	6		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		
10	Clorua	mg/l	405		
11	Clo dư	mg/l	1		
12	Coliform	MPN/100ml	30.000		

2.5. Tần suất lấy mẫu đối với nước thải:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Hòa Lạc, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Lạc để tiếp tục xử lý.

3.3. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải 20 ngày.

3.7. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2025
của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ khu vực kiểm nghiệm

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

Một (01) dòng khí thải tương ứng với ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực kiểm nghiệm, tọa độ xả thải:

$$X = 2\ 320\ 999, Y = 556\ 459.$$

(Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°)

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Dự án “Nhà máy Nghiên cứu và Sản xuất Dược phẩm Phenikaa” của Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Kiểm nghiệm thuốc AQP tại Lô đất CN2-10 KCN Công nghệ cao 2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $10.500\text{ m}^3/\text{h}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	10.500	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	Metanol	mg/Nm^3	200		
3	Toluen	mg/Nm^3	50		
4	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)	mg/Nm^3	350		
5	Nitơ oxit (NO_x , tính theo NO_2)	mg/Nm^3	500		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải (hơi hóa chất) từ khu vực kiểm nghiệm → Tủ hút (05 tủ hút; kích thước 1200x950x2350mm; có chứa than hoạt tính để hấp phụ) → Ống thu khí (Đường kính D300, chiều dài khoảng 60m) → Hệ thống xử lý khí thải công suất 10.500m³/h → Quạt hút (01 quạt, công suất 10.500m³/h) → Ống thoát khí (D400, chiều cao 5m) → Môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi và khí thải:

Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ khu vực kiểm nghiệm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (Hơi hóa chất) → Tủ hút (có chứa than hoạt tính) → Ống thu khí → Tháp hấp thụ (Kích thước: 1000x1000x2500mm; dung dịch NaOH) → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 10.500 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, NaOH hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, các thiết bị xử lý và theo dõi thường xuyên quá trình vận hành của hệ thống, thiết bị, thay thế định kỳ các vật liệu, hóa chất tiêu hao, vật liệu cần thay thế theo đúng yêu cầu kỹ thuật, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm ra môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 3 tháng kể từ ngày hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý khí thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực kiểm nghiệm, công suất 10.500 m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống thoát khí thải theo vị trí được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải của Dự án.

3.4. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đến cơ quan cấp phép trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình để theo dõi và giám sát. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này, báo cáo về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội trước khi thực hiện việc thay đổi.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đảm bảo yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.8. Quản lý, kiểm soát toàn bộ khí thải phát sinh từ Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của khu vực lò hơi (sử dụng dầu DO).
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của quạt hút hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 2 320 939; Y = 556 415;
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 2 320 949; Y = 556 424;
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 2 320 980; Y = 556 335;

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

3.2. Độ rung:

Độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (từ 06 giờ đến trước 22 giờ)	Đêm (từ 22 giờ đến trước 06 giờ)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.
- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	0,01
2	Dầu mỡ động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	0,1
3	Tấm lọc than hoạt tính đã hấp phụ từ tủ hút khu vực kiểm nghiệm	12 01 04	0,102
4	Các loại dung dịch thải từ quá trình chiết tách, dung môi hữu cơ, dung dịch tẩy rửa thải	03 05 03	1
5	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	600
Tổng			601,212

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/tháng)
1	Chất thải rắn từ bã dược liệu trong dây chuyền sản xuất	26
2	Bao bì đựng nguyên liệu	5,98
3	Nguyên liệu, dược liệu, dược phẩm, mỹ phẩm thải bỏ	3,9
4	Bùn bể phốt, dầu mỡ tại bể tách mỡ	1
	Tổng	36,88

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 102,2 tấn/năm

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá	12 06 05	23,725

	trình xử lý nước thải công nghiệp		
	Tổng		23,725

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát

- Kho lưu chứa: 01 kho lưu chứa, bố trí bên ngoài khu vực nhà xưởng sản xuất.
- Diện tích kho: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho có kết cấu bê tông cốt thép, tường bao quanh, sàn bê tông có khả năng chống thấm, có mái lợp tôn chống nóng che kín; cửa chống cháy có khóa, có rãnh, gờ chống tràn tại cửa kho và có vật liệu hấp phụ (cát khô, giẻ lau) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển cảnh báo chất thải nguy hại, dán mã chất thải theo quy định. Trong kho có bố trí 10 thùng 230L có nắp đậy kín để lưu chứa.

- Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp, đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa: 01 kho lưu chứa, bố trí bên ngoài xưởng sản xuất
- Diện tích: 40 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu mái che kín, lợp tôn, nền bê tông, tường bao xung quanh có biển báo. Kho trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị PCCC theo quy định.

- Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực lưu giữ : 01 khu vực lưu giữ bên ngoài nhà xưởng.
- Diện tích: 01 khu vực diện tích 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của các khu vực lưu giữ: bãi tập kết có kết cấu bê tông cốt thép, nền bê tông, bố trí 10 thùng chứa đầy nắp kín dung tích 230L để lưu chứa.

- Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo

quy định. Tần suất hút bể tự hoại, bể tách dầu mỡ định kỳ: 6 tháng/1 lần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, quản lý hóa chất và phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ theo quy định hiện hành.

3. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

5. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.